

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2025
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy

Ông Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Việt N, sinh năm 1988 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Khóm E, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Lý Chí N1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Việt N trình bày:**

- Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu nên bà Nguyễn Việt N và ông Lý Chí N1 thành hôn với nhau vào năm 2006. Hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do ông N1 không chăm lo làm ăn nên vợ chồng hay cãi nhau. Bà N có khuyên nhưng ông N1 không sửa đổi. Hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà và ông N1 không sống chung với nhau từ tháng 2 năm 2023 cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông N1.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lý Gia H, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2008 (nữ). Con chung đang sống chung với ông N1 nên khi ly hôn bà N đồng ý giao con chung cho ông N1 nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N tự nguyện cấp dưỡng cho cháu H số tiền 2.000.000 đồng/tháng, cấp hàng tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Lý Chí N1:*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông N1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N1 vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Việt N yêu cầu ly hôn với ông Lý Chí N1 nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông N1 cư trú tại ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Việt N có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N là phù hợp.

Đối với ông Lý Chí N1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần 02 tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N1.

[2]. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Việt N và ông Lý Chí N1 kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau vào ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78 nên hôn nhân giữa bà N và ông N1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Bà N yêu cầu ly hôn với ông N1 vì cuộc sống vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, mỗi người có cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà N và ông N1 đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn hôn nhân nhưng ông N1 vẫn không tham gia, chứng tỏ ông N1 không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà

Nguyễn Việt N đối với ông Lý Chí N1 theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lý Gia H, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2008 (nữ). Khi ly hôn bà N đồng ý giao con chung cho ông N1 nuôi dưỡng.

Xét thấy, trong khoảng thời gian bà N và ông N1 không chung sống với nhau thì cháu H do ông N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời cháu H có nguyện vọng được sống chung với ông N1 nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu H cho ông N1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho cháu H số tiền 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà N, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi chấm dứt việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Bà N chậm cấp dưỡng phải chịu lãi suất theo quy định tại các Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*.

- Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ không giá ngạch 300.000 đồng. Tổng án phí bà N phải chịu là 600.000 đồng, bà N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp. Sau khi đối trừ bà N phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Việt N. Cho bà Nguyễn Việt N được ly hôn ông Lý Chí N1.

- Về con chung: Giao con chung tên Lý Gia H, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2008 (nữ) cho ông Lý Chí N1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà Nguyễn Việt N cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lý Gia H số tiền 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi chấm dứt việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, trường hợp người phải thi hành án đối với khoản tiền thuộc về nghĩa vụ thanh toán của mình mà chậm thanh toán thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Việt N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng, chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ không giá ngạch 300.000 đồng. Tổng án phí bà N phải chịu là 600.000 đồng, bà N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014372 ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn. Sau khi đối trừ bà N phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Hàng Vĩnh;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

Trương Thị Hồng Ngân

